TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-PT
Ngày: 19-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Minh
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Năm
Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 01/2019/TLPT-HS ngày 06/12/2019 đối với các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1991, tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc Q (chết) và bà Trịnh Thị Bích X; có chồng tên Lê T và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 04 tháng 01 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1986, tại huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H; có chồng tên là Bùi Đình H và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 04 tháng 01 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

3. Họ và tên: Từ Thị N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994, tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Văn Q và bà Trịnh Thị V; có chồng tên là Phạm Tr và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

4. Họ và tên: Trương Tố T, sinh ngày 01 tháng 09 năm 1993, tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang T và bà Nguyễn Thị B; có chồng tên là Tạ Ngọc T và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

5. Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987, tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tổ X (tổ cũ là tổ XX), phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Lưu Thị H; có chồng tên là Nguyễn Văn H và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 26 tháng 3 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Nguyễn Lương Thị Thủy T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1994, tại huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: giữ trẻ; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T và bà Lương Thị Lệ C; có chồng tên là Huỳnh Văn T và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 04 tháng 01 năm 2019 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa: Ông Nguyễn Trần Đ, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Từ Thị N theo Quyết định số 348/QĐ-TGPL ngày 16/12/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2017, Từ Thị N, Nguyễn Thị Thúy L, Huỳnh Thị Ngọc N, Trương Tố T và Nguyễn Thị Thanh T biết UBND huyện N tổ chức tuyển dụng Giáo viên giảng dạy theo hình thức hợp đồng, nên đã nộp hồ sơ (gồm Bảng điểm và bằng cấp giả) đến Phòng Nội vụ huyện N và được UBND huyện N ký hợp đồng giảng dạy tại các trường tiểu học, mầm non tại các xã H, H, H thuộc huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Đến tháng 10/2017, Từ Thị N, Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Lương Thị

Thủy T, Huỳnh Thị Ngọc N, Trương Tố T và Nguyễn Thị Thanh T nộp hồ sơ cho Phòng Nội vụ huyện N đăng ký tham gia thi kỳ thi tuyển Giáo viên năm 2017 – năm 2018 các bậc học thuộc các trường trên địa bàn huyện N. Sau khi nộp hồ sơ và thi tuyển, ngày 23/8/2018, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển giáo viên năm học 2017-2018 cho các trường trên địa bàn huyện N, kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển thi kỳ tuyển giáo viên năm học 2017 – 2018, trong đó có Từ Thị N, Nguyễn Thị Thúy L, Trương Tố T, Nguyễn Lương Thị Thủy T, Huỳnh Thị Ngọc N và Nguyễn Thị Thanh T. Khi kiểm tra bằng cấp, Phòng Nội vụ huyện N nghi ngờ các đối tượng trên sử dụng bằng tốt nghiệp, bảng điểm giả, nên đã có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xác minh, làm rõ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định trưng cầu giám định bằng tốt nghiệp Đại học đề tên trường Đại học sư phạm Đà Nẵng của Nguyễn Lương Thị Thủy T, bằng tốt nghiệp Trung cấp và bảng điểm học tập đề tên trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh của Từ Thị N, bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp sư phạm mầm non và giấy chứng nhận kết quả học tập đề tên trường Cao đẳng sư phạm trung ương thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Thị Thúy L, bằng tốt nghiệp cao đẳng và bảng điểm đề tên trường Đại học thủ đô Hà Nội của Trương Tố T, bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục tiểu học và bảng điểm đề tên trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh của Huỳnh Thị Ngọc N, bằng tốt nghiệp Cao đẳng và bảng ghi kết quả học tập đề tên trường Cao đẳng sư phạm trung ương thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Thị Thanh T thì phát hiện các bằng cấp, bảng điểm này đều là giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Lương Thị Thủy T phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Từ Thị N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Tố T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù kể từ ngày tuyên án 13/9/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2019, các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 08/02/2020, các bị cáo Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L có đơn kháng cáo bổ sung và cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự chứ không phải tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 09/02/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Huỳnh Thị Ngọc N có đơn kháng cáo bổ sung và cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự chứ không phải tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 10/02/2020, bị cáo Từ Thị N có đơn kháng cáo bổ sung và cho rằng bị cáo chỉ phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự chứ không phải tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phần kết luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị:

Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật xét xử các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp vì hành vi của các bị cáo khi xin việc là do nhu cầu muốn có việc làm, do đó khi vào làm hợp đồng các bị cáo đã bỏ công sức và làm các thao tác nghiệp vụ đảm bảo công tác giảng dạy, nên việc sử dụng các bằng tốt nghiệp và bảng điểm giả không ảnh hưởng đến chất lượng công lao động thực tế bỏ ra, nên đây không được xem là lần phạm tội. Do đó, chỉ có căn cứ xét xử các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ

Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra, trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T không có kháng cáo nhưng xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo là nặng so với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, để đảm bảo tính công bằng, tương xứng với mức án của các bị cáo khác cần sửa mức hình phạt đối với bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, đ khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T và Nguyễn Thị Thúy L mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 16 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T, Huỳnh Thị Ngọc N từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Trần Đ cho bị cáo Từ Thị N: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, chỉ có căn cứ xử phạt bị cáo Từ Thị N về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Bị cáo Từ Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được Chủ tịch UBND huyện N tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất xắc trong công tác; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Lương Thị Thủy T không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên về phần trách nhiệm hình sự của Nguyễn Lương Thị Thủy T đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ theo Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét đối với những phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nếu xét thấy cần thiết. Do đó, để đánh giá toàn diện, khách quan vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xem xét lại về phần hình phạt của Nguyễn Lương Thị Thủy T tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[2] Xét hành vi của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L:

Tháng 7/2017, Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L nộp hồ sơ gồm bảng điểm và bằng tốt nghiệp

(đều là giả) đến Phòng Nội vụ huyện N xin làm giáo viên dạy hợp đồng và được Phòng Nội vụ huyện N ký hợp đồng giảng dạy tại các trường tiểu học, mầm non trên địa bàn các xã H, H, Hthuộc huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Đến đầu tháng 10/2017, các bị cáo biết Phòng Nội vụ huyện N tổ chức kỳ thi tuyển giáo viên, viên chức năm 2017 – 2018 nên đã nộp hồ sơ thi tuyển. Qua thi tuyển các bị cáo đều trúng tuyển làm giáo viên giảng dạy tại các trường tiểu học và mầm non trên địa bàn huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, cấp sơ thẩm cho rằng, các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T và Nguyễn Thị Thúy L đã 02 lần nộp hồ sơ gồm bảng điểm và bằng tốt nghiệp Đại học giả đến Phòng Nội vụ huyện N để thi tuyển (một lần xin làm giáo viên hợp đồng, một lần thi tuyển viên chức) nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của các bị cáo khi nộp hồ sơ xin giảng dạy hợp đồng và hồ sơ xin thi tuyển viên chức thì thấy: Các bị cáo sử dụng bằng đại học và bảng điểm giả để lừa dối cơ quan Nhà nước là Phòng Nội vụ huyện N, UBND huyện N để các bị cáo đủ điều kiện thi tuyển giáo viên, viên chức nhằm có một công việc giảng dạy. Mục đích các bị cáo nộp hồ sơ xin giảng dạy hợp đồng cũng là cơ sở để thi tuyển sau này, sau khi thi đậu và trúng tuyển, các bị cáo không sử dụng các giấy tờ giả trên nhằm mục đích gian dối nào khác, do đó, hành vi của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L chỉ thực hiện 01 lần hành vi phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các bị cáo về hành vi "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là chưa chính xác, do đó, cấp phúc thẩm sửa lại xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự là chưa chính xác dẫn đến khi quyết định hình phạt cho các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L đã đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi của mỗi bị cáo dẫn đến xử phạt mỗi bị cáo mức hình phạt 02 năm tù là nặng. Thực tế các bị cáo sau khi trúng tuyển, chưa tham gia vào công tác giảng dạy ở đơn vị nào, nên đã hạn chế được hậu quả cho cơ hội của những người khác khi thi tuyển vào làm giáo viên. Do đó, cấp phúc thẩm xem xét lại mức hình phạt cho phù hợp đối với hành vi của các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ, không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia

đình khó khăn quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N tại thời điểm xét xử sơ thẩm đang mang thai là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo, cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N cung cấp Giấy khen được Chủ tịch UBND huyện N khen tặng vì đã hoàn thành xuất xắc nhiệm vụ công tác năm học 2017 – 2018 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng thêm cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thực sự ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình; bản thân có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Xét thấy không cần thiết cách ly người phạm tội khỏi xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Đối với mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là nặng. Để đảm bảo công bằng về phần hình phạt đối với tất cả các bị cáo trong cùng một vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T.

[5] Về khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L, Nguyễn Lương Thị Thủy T có hoàn cảnh khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật và xử phạt các bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, đ khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L; sửa về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm v, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Từ Thị N 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Từ Thị N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Tố T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trương Tố T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy L cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Lương Thị Thủy T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng: khoản 1 Điều 341; điểm n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn cải

tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Các bị cáo Huỳnh Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh T, Từ Thị N, Trương Tố T, Nguyễn Thị Thúy L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N;
- TAND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND thị trấn C, UBND xã H, UBND xã N, UBND phường L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Minh